

Số: /KH-SNNMT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030
ngành Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 27/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số giai đoạn 2026-2030. Căn cứ Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 06/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại của thành phố giai đoạn 2026-2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu

- Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, trách nhiệm theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

- Phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành nông nghiệp và môi trường; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng hệ sinh

thái, từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; Đẩy mạnh chuyển biến căn bản trong khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên, đất đai, khoáng sản theo hướng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững.

2. Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu giai đoạn 2026-2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh 2010) Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2%.

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 2,23%/năm, trong đó: Nông nghiệp tăng 1,80%/năm (trồng trọt đạt 0,56%/năm, Chăn nuôi tăng 3,07%/năm. dịch vụ tăng 5,69%/năm); Lâm nghiệp tăng 2,75%/năm; Thủy sản tăng 3,63%/năm.

- Tỷ lệ hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% vào năm 2030; có từ 01 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trở lên.

- Phấn đấu đến năm 2030: 80% số xã (tương ứng 55/67 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 50% số xã (tương ứng 34/67 xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phấn đấu đạt 230 triệu đồng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản vào năm 2030.

Các chỉ tiêu chủ yếu tại các Phụ lục I, II kèm theo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Về sản xuất nông, lâm, thủy sản

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

Nâng cao nhận thức và chuyển đổi mạnh mẽ tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phù hợp với quy luật kinh tế thị trường và xu thế hội nhập; khai thác và phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh, nhất là những lợi thế đặc thù của địa phương nhằm hướng đến mục tiêu phát triển "nông nghiệp sinh thái, bền vững; nông thôn hiện đại, nông dân văn minh"

- Lĩnh vực trồng trọt:

Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng tập trung hàng hóa, chú trọng đến việc chuyển đổi và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao.

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cây trồng theo vùng sinh thái; ưu tiên phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (vải, nhãn, ôi, chuối, na, cam, bưởi) và các loại rau màu hàng hóa phục vụ thị trường đô thị, du lịch. Mở rộng diện tích sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sạch; ứng dụng tưới tiết kiệm, phân bón sinh học, chế phẩm vi sinh để giảm chi phí và bảo vệ môi trường. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã trong tiêu thụ nông sản; khuyến khích ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm và phát triển thương hiệu nông sản Hải Phòng.

- Lĩnh vực chăn nuôi:

Tập trung phát triển các đối tượng nuôi là thế mạnh của thành phố như lợn, gia cầm; áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh động vật và giảm thiểu ô nhiễm môi trường và chăn nuôi bền vững.

Chuyển dịch dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp; khuyến khích đầu tư sản xuất theo chuỗi chăn nuôi - giết mổ động vật - chế biến sản phẩm chăn nuôi. Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, quản lý an toàn sinh học, triển khai tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin bắt buộc; hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi theo mô hình biogas, đệm lót sinh học. Rà soát và hỗ trợ chuyển đổi các khu vực không được phép chăn nuôi trong khu dân cư ra khu tập trung; đồng thời, đảm bảo sinh kế của người dân trên địa bàn thành phố.

- Lĩnh vực thủy sản:

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nuôi tập trung, công nghệ hiện đại, giảm sức ép lên môi trường. Đẩy mạnh nuôi thâm canh, nuôi công nghệ cao, nuôi tuần hoàn, ứng dụng hệ thống quan trắc tự động trong vùng nuôi.

Rà soát, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; đầu tư, cải tạo hệ thống cấp - thoát nước riêng biệt giữa nuôi trồng và nông nghiệp. Hỗ trợ phát triển sản xuất giống thủy sản tại chỗ, đặc biệt là giống tôm thẻ chân trắng, cá biển, nhuyễn thể.

Phát triển sản xuất khai thác thủy sản theo hạn ngạch và cơ cấu nghề phù hợp trên cơ sở điều tra, đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xây dựng đội tàu khai thác ở vùng biển xa bờ với trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, nâng cao hiệu

quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Bảo đảm các yêu cầu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ khai thác thủy sản, xử lý nghiêm hành vi vi phạm IUU.

- Lĩnh vực lâm nghiệp:

Thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; phát triển các loại hình văn hóa truyền thống địa phương, du lịch gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

2. Về công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhất là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, xác định giá đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính chưa phù hợp, bổ sung thủ tục còn thiếu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục về đất đai; tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án đầu tư công, các công trình trọng điểm, các công trình tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước ngày càng được đẩy nhanh, đảm bảo tiến độ bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư và đảm bảo quyền lợi của người có đất được thu hồi; quan tâm, đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai và hoàn thành: Kế hoạch số 1572/KH-UBND ngày 04/4/2025 đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 2275/KH-UBND ngày 28/6/2023 xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể trên địa bàn thành phố phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, chuyển đổi số và cập nhật vào cơ sở dữ liệu dân cư theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về công tác quản lý nhà nước về môi trường, trong đó tập trung vào công tác phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý các nguồn ô nhiễm môi trường nước

Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án, nhất là các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, đồng thời

tập trung kiểm soát đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, các cơ sở có nguồn thải lớn; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các giải pháp kiểm soát ô nhiễm các trục sông. Đầu tư hạ tầng, phương tiện cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu dân cư, đô thị trên địa bàn thành phố. Đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường nước, bảo vệ môi trường không khí theo Kế hoạch bảo vệ môi trường không khí và Kế hoạch bảo vệ môi trường nước được UBND thành phố phê duyệt.

4. Về công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, trong đó tập trung vào việc đóng cửa khoáng sản đã hết hạn, quy hoạch, cấp phép đối với các mỏ khoáng sản để làm vật liệu xây dựng thông thường, nhất là khoáng sản làm vật liệu san lấp để phục vụ phát triển kinh tế- xã hội

Đẩy mạnh tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; tập trung thực hiện đóng cửa mỏ đối với các mỏ khoáng sản hết hạn; cấp mới thăm dò, khai thác khoáng sản qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Khuyến khích các dự án khai thác, chế biến khoáng sản đổi mới đồng bộ công nghệ, sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch và máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ cao, sử dụng triệt để và tiết kiệm khoáng sản, thân thiện môi trường; ưu tiên cấp phép dự án khai thác khoáng sản cho tổ chức, doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, có kế hoạch khai thác hợp lý, hiệu quả các loại khoáng sản gắn với địa chỉ sử dụng khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình kinh tế tuần hoàn; Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu với dịch bệnh, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe động vật và môi trường sinh thái. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn nhằm góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng đa giá trị.

Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn (*VietGap, GlobalGap*) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Hình thành các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào các khâu sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nâng cao tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực.

6. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm

Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo liên kết chuỗi giá trị. Tăng cường hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong việc cung ứng đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng cơ chế ràng buộc về quyền lợi và trách nhiệm đảm bảo tính bền vững trong liên kết. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với sự tham gia của doanh nghiệp để liên kết trong sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực và chương trình OCOP.

7. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, chế biến nông sản

Mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của thành phố, nhất là các thị trường cao cấp như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Úc... để hạn chế phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, khai thác tốt thị trường trong nước; tăng cường triển khai ứng dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực. Quan tâm đầu tư, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản, tăng chế biến tinh, chế biến sâu, giảm dần xuất khẩu nông sản thô; đảm bảo kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

8. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

Nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp điều kiện cụ thể của thành phố và từng địa phương trong giai đoạn mới, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho các xã, đặc khu phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh,

sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững; phấn đấu đưa nông thôn trở thành "nơi đáng sống". Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao mức sống của người dân khu vực nông thôn.

9. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; thực hiện rà soát, đơn giản hóa, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, trọng tâm là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy quản lý ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

(Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được phân công cụ thể theo các Phụ lục III, IV kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai thực hiện, phân công “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

2. Phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo lãnh đạo Sở chỉ đạo.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch, hoặc có khó khăn, vướng mắc, các Phòng, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Phòng Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT;
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính, Thống kê thành phố;
- GD Sở, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, TCKHĐT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Thăng

